

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH**Về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện,

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện (sau đây gọi chung là quỹ) thành lập tại Việt Nam.

2. Nghị định này áp dụng đối với:

- a) Công dân, tổ chức Việt Nam trong việc thành lập quỹ;
- b) Công dân, tổ chức nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập quỹ.

3. Nghị định này không áp dụng đối với các quỹ mà pháp luật đã có quy định riêng.

Điều 2. Mục đích tổ chức, hoạt động của quỹ

Quỹ được tổ chức và hoạt động nhằm mục đích hỗ trợ và khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, khoa học, từ thiện, nhân đạo và các mục đích phát triển cộng đồng, không vì mục đích lợi nhuận.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Quỹ”: Là tổ chức phi chính phủ do cá nhân, tổ chức tự nguyện dành một khoản tài sản nhất định để thành lập hoặc thành lập thông qua hợp đồng, hiến tặng, di chúc; có mục đích tổ chức, hoạt động theo quy định tại Điều 2 Nghị định này, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập, công nhận điều lệ.

2. “Quỹ xã hội”: Là quỹ được tổ chức, hoạt động với mục đích chính nhằm hỗ trợ và khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học và các mục đích phát triển cộng đồng, không vì mục đích lợi nhuận.

3. “Quỹ từ thiện”: Là quỹ được tổ chức, hoạt động với mục đích chính nhằm hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo và các đối tượng khác thuộc diện khó khăn cần sự trợ giúp của xã hội, không vì mục đích lợi nhuận.

4. “Không vì lợi nhuận”: Là không tìm kiếm lợi nhuận để phân chia, lợi nhuận có được trong quá trình hoạt động được dành cho các hoạt động của quỹ theo điều lệ đã được công nhận.

5. “Góp tài sản”: Là việc chuyển quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức dưới hình thức hợp đồng, hiến tặng, di chúc của người để lại tài sản hoặc các hình thức khác theo quy định pháp luật vào quỹ để làm tài sản của quỹ và thực hiện các mục đích theo quy định tại Điều 2 Nghị định này.

6. “Tài sản”: Bao gồm hiện vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản.

7. “Tổ chức Việt Nam”: Là đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp Việt Nam và các tổ chức khác có đủ các điều kiện của một pháp nhân theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động và quản lý tài chính của quỹ

1. Thành lập và hoạt động không vì lợi nhuận.

2. Tự nguyện, tự tạo vốn, tự trang trải và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật bằng tài sản của mình.

3. Hoạt động theo điều lệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận, theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật liên quan.

4. Công khai, minh bạch về thu, chi, tài chính, tài sản của quỹ.

5. Không phân chia tài sản của quỹ trong quá trình quỹ đang hoạt động.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước đối với quỹ

1. Được Nhà nước tạo điều kiện hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

2. Được Nhà nước cấp kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

3. Việc đóng góp tài sản của cá nhân, tổ chức cho quỹ được áp dụng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản, tên, biểu tượng và trụ sở của quỹ

1. Quỹ có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

2. Quỹ được chọn tên và biểu tượng, tên và biểu tượng của quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không trùng lặp hoặc gây nhầm lẫn với tên hoặc biểu tượng của quỹ khác đã được đăng ký trước đó;

b) Không vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc;

c) Tên quỹ phải được thể hiện bằng tiếng Việt hoặc phiên âm ra tiếng Việt.

3. Trụ sở giao dịch của quỹ phải đặt trên lãnh thổ Việt Nam và có địa chỉ cụ thể.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Nghiêm cấm lợi dụng việc thành lập quỹ để thực hiện các hành vi:

a) Tư lợi hoặc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và cộng đồng; gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, đại đoàn kết dân tộc;

b) Xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục, truyền thống và bản sắc dân tộc;

c) Rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hoạt động trái pháp luật.

2. Làm giả, tẩy xóa, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp giấy phép thành lập quỹ dưới bất kỳ hình thức nào.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC THÀNH LẬP QUỸ

Điều 8. Điều kiện thành lập quỹ

Quỹ được thành lập khi có đủ những điều kiện sau đây:

1. Mục đích hoạt động phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị định này.

2. Có sáng lập viên thành lập quỹ theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

3. Ban sáng lập quỹ có đủ số tài sản đóng góp để thành lập quỹ theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

4. Có hồ sơ thành lập quỹ theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

Điều 9. Sáng lập viên thành lập quỹ

1. Sáng lập viên thành lập quỹ phải là công dân, tổ chức Việt Nam góp tài sản để thành lập quỹ; tham gia xây dựng dự thảo điều lệ và các tài liệu trong hồ sơ xin phép thành lập quỹ.

2. Các sáng lập viên thành lập Ban sáng lập quỹ. Ban sáng lập quỹ phải có ít nhất 03 (ba) sáng lập viên, gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và sáng lập viên. Ban sáng lập quỹ lập hồ sơ xin phép thành lập quỹ theo quy định tại Điều 13 Nghị định này và gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này.

3. Điều kiện đối với các sáng lập viên:

a) Đối với công dân Việt Nam: Có đủ năng lực hành vi dân sự không có án tích;

b) Đối với tổ chức của Việt Nam: Có điều lệ hoặc văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức; nghị quyết của Ban lãnh đạo tổ chức về việc tham gia thành

lập quỹ; quyết định cử người đại diện của tổ chức tham gia tư cách sáng lập viên thành lập quỹ;

c) Có tài sản đóng góp thành lập quỹ theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

Điều 10. Công dân, tổ chức nước ngoài góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập quỹ

1. Công dân, tổ chức nước ngoài được góp tài sản với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập quỹ ở Việt Nam.

2. Điều kiện đối với công dân, tổ chức nước ngoài:

a) Phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của tài sản đóng góp;

b) Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật Việt Nam và mục đích hoạt động của quỹ;

c) Có tài sản đóng góp thành lập quỹ theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

Điều 11. Thành lập quỹ theo di chúc hoặc yêu cầu của người hiến tặng tài sản thông qua hợp đồng ủy quyền

1. Công dân, tổ chức Việt Nam được thừa kế theo di chúc trong đó có nghĩa vụ thực hiện yêu cầu lập quỹ của người để lại tài sản hoặc được người hiến tặng tài sản yêu cầu lập quỹ thông qua hợp đồng ủy quyền, thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định này và lập hồ sơ xin phép thành lập quỹ theo quy định tại Điều 13 Nghị định này gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này.

2. Quỹ được thành lập theo di chúc phải có bản sao di chúc có chứng thực theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ được thành lập theo hợp đồng ủy quyền của tổ chức, cá nhân phải có hợp đồng ủy quyền có công chứng theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tài sản đóng góp thành lập quỹ

1. Tài sản đóng góp thành lập quỹ gồm:

a) Tiền đồng Việt Nam;

b) Tài sản được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam (bao gồm: Hiện vật, ngoại tệ, giấy tờ có giá, các quyền tài sản và các loại tài sản khác) của công dân, tổ chức Việt Nam là sáng lập viên của công dân, tổ chức nước ngoài góp với công dân, tổ chức Việt Nam để thành lập quỹ. Đối với tài sản là trụ sở, trang thiết bị, công nghệ phải do tổ chức thẩm định giá được thành lập hợp pháp định giá, thời điểm định giá tài sản không quá 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ xin thành lập quỹ.

2. Đối với quỹ do công dân, tổ chức Việt Nam thành lập, Ban sáng lập quỹ phải đảm bảo số tài sản đóng góp thành lập quỹ quy đổi ra tiền đồng Việt Nam (trong đó số tiền dự kiến chuyển vào tài khoản của quỹ tối thiểu bằng 50% tổng giá trị tài sản quy đổi) như sau:

- a) Quỹ hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh: 5.000.000.000 (năm tỷ);
- b) Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh: 1.000.000.000 (một tỷ);
- c) Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp huyện: 100.000.000 (một trăm triệu);
- d) Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp xã: 20.000.000 (hai mươi triệu).

3. Đối với quỹ có tài sản của công dân, tổ chức nước ngoài góp với công dân, tổ chức Việt Nam thành lập; Ban sáng lập quỹ phải đảm bảo số tài sản đóng góp thành lập quỹ quy đổi ra tiền đồng Việt Nam (trong đó số tiền dự kiến chuyển vào tài sản của quỹ tối thiểu bằng 50% tổng giá trị tài sản quy đổi) như sau:

- a) Quỹ hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh: 7.000.000.000 (bảy tỷ);
- b) Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh: 3.000.000.000 (ba tỷ);
- c) Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp huyện: 1.000.000.000 (một tỷ);
- d) Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp xã: 500.000.000 (năm trăm triệu).

4. Tài sản đóng góp thành lập quỹ phải được chuyển quyền sở hữu cho quỹ trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày quỹ được cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ.

Điều 13. Hồ sơ thành lập quỹ

1. Hồ sơ thành lập quỹ được thành lập 01 (một) bộ và gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Nghị định này.

2. Hồ sơ thành lập quỹ, gồm:

- a) Đơn đề nghị thành lập quỹ;
- b) Dự thảo điều lệ quỹ;
- c) Tài liệu chứng minh tài sản đóng góp để thành lập quỹ theo quy định tại Điều 12 Nghị định này;
- d) Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của các thành viên ban sáng lập quỹ và các tài liệu theo quy định tại Điều 9, Điều 10 hoặc Điều 11 Nghị định này.

Điều 14. Nội dung cơ bản của điều lệ quỹ

- 1. Tên gọi, địa chỉ, số điện thoại, số fax, email, website (nếu có) của quỹ.
- 2. Tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực và phạm vi hoạt động của quỹ.
- 3. Thông tin về sáng lập viên của quỹ.
- 4. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của quỹ.
- 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động; cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý quỹ, Ban Kiểm soát, Chủ tịch, Giám đốc và các chức vụ lãnh đạo khác.
- 6. Nguyên tắc vận động quyên góp; vận động, tiếp nhận tài trợ và thực hiện tài trợ.
- 7. Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của quỹ.
- 8. Trách nhiệm báo cáo về tổ chức, hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ đối với cơ quan có thẩm quyền.